

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HS-ST
Ngày 18-5-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Văn Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hoà.

Ông Hoàng Đức Huân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Đình Sắc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Vy Tiến Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/HSST-QĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/HSST-QĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023 đối với:

- Bị cáo: Nguyễn Hồng H (tên gọi khác: Không), sinh ngày 23 tháng 6 năm 1986 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Số X, khu L, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Trọng T (đã chết) và bà Vi Thị M; chồng: Lâm Nam D; con: có 03 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giam từ ngày 11-10-2022 đến ngày 14-01-2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh đến nay; có mặt.

- Bị hại: Bà Đồng Thùy L, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Số X, ngõ Y, thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Vy Văn U; có mặt.

2. Ông Lâm Nam D; có mặt.

3. Bà Hứa Thị Q; vắng mặt.
4. Ông Đỗ Văn B; có mặt.
5. Bà Phạm Thị H; có mặt.
6. Bà Phạm Thúy Đ; vắng mặt.
7. Bà Đặng Kim C; có mặt.
8. Ông Hoàng Minh T; có mặt.
9. Bà Lương Thị Đ; vắng mặt.
10. Bà Hoàng Thị Th; có mặt.
11. Ông Nguyễn Ngọc D; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04-11-2003, bà Phạm Thúy Đ chuyển nhượng cho bà Đặng Kim C 01 mảnh đất đồi có diện tích 100m² (sau viết tắt là thửa đất có diện tích 100m²). Khoảng năm 2010, bà Phạm Thị H có vay của Nguyễn Hồng H số tiền 20.000.000 đồng. Để làm tin, bà Phạm Thị H có nhờ bà Phạm Thúy Đ viết “Đơn xin chuyển quyền sử dụng đất, lập ngày 15-6-2004” (sau viết tắt là Đơn lập ngày 15-6-2004), có nội dung “bà Phạm Thúy Đ chuyển nhượng cho bà Nguyễn Hồng H thửa đất có diện tích 100m²”. Ngày 25-5-2011, bà Phạm Thị H đã trả cho Nguyễn Hồng H số tiền vay là 20.000.000 đồng nhưng Nguyễn Hồng H chưa trả cho bà Phạm Thị H Đơn lập ngày 15-6-2004. Năm 2012, Nguyễn Hồng H có vay của Đồng Thuỳ L (là anh em họ) số tiền 65.000.000 đồng. Do Nguyễn Hồng H không trả tiền cho Đồng Thuỳ L như đã thoả thuận. Để Đồng Thuỳ L không tiếp tục đòi tiền, Nguyễn Hồng H đưa cho Đồng Thuỳ L “Đơn lập ngày 15-6-2004” và viết Đơn xin chuyển quyền sử dụng đất đề ngày 27-9-2012 (sau viết tắt là Đơn đề ngày 27-9-2012) có nội dung “ Nguyễn Hồng H vay của Vy Văn U (chồng của Đồng Thuỳ L) số tiền 65.000.000 đồng. Nguyễn Hồng H chuyển nhượng cho U thửa đất có diện tích 100m², chuyển nhượng trong 01 năm. Sau 01 năm, Nguyễn Hồng H sẽ trả số tiền 65.000.000 đồng cho U và lấy lại thửa đất và tờ “Đơn lập ngày 15-6-2004”. Do Nguyễn Hồng H không trả được tiền cho U như đã cam kết nên ngày 03-12-2013, Nguyễn Hồng H và chồng là Lâm Nam D đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Vy Văn U. Hợp đồng có nội dung “vợ chồng Nguyễn Hồng H chuyển nhượng thửa đất có diện tích 100m² cho Vy Văn U. Thửa đất có diện tích 100m² đã được chuyển nhượng như sau:

Cuối năm 2003, bà Đặng Kim C nhận chuyển nhượng thửa đất với bà Phạm Thúy Đ với giá 40.000.000 đồng. Năm 2006, bà C chuyển nhượng cho bà Hoàng Thị Th với giá 80.000.000 đồng. Năm 2011, bà Th cho xây tường rào thì xảy ra tranh chấp với Đỗ Văn B.

Tháng 8-2020, vợ chồng Đồng Thuỳ L, Vy Văn U chuyển nhượng thửa đất cho vợ chồng Nguyễn Ngọc D và Hứa Thị Q với giá 245.000.000 đồng. Tháng 11-2020, vợ chồng Nguyễn Ngọc D và Hứa Thị Q chuyển nhượng thửa đất cho ông Đỗ Văn B. Năm 2011, bà Th cho xây tường rào thì xảy ra tranh chấp.

Tại Kết luận giám định số 383/KL-KTHS ngày 26-9-2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Chữ ký và chữ viết “Nguyễn Hồng H” tại Đơn lập ngày 15-6-2004, Đơn đề ngày 27-9-2012, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 03-12-2013 là của Nguyễn Hồng H.

Trong giai đoạn điều tra, Nguyễn Hồng H cho rằng không có việc chuyển nhượng thửa đất có diện tích 100m² cho Vy Văn U, không thừa nhận việc đưa tờ Đơn lập ngày 15-6-2004, việc viết Đơn đề ngày 27-9-2012 và việc ký vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền 65.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong giai đoạn truy tố, Nguyễn Hồng H thừa nhận việc đưa tờ Đơn lập ngày 15-6-2004, việc viết Đơn đề ngày 27-9-2012 và việc ký vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền 65.000.000 đồng và số tiền 65.000.000 đồng là số tiền của chị Đồng Thuỳ L. Ngày 15-3-2023, Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn có Thông báo yêu cầu bổ sung tài liệu, chứng cứ số 05/2023/TB-TA yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn bổ sung các tài liệu, chứng cứ sau:

1. Bản gốc các tài liệu, chứng cứ sau:

- Giấy biên nhận, đề ngày 25-5-2011, có chữ ký của Nguyễn Hồng H và Phạm Thị H.

- Đơn xin chuyển quyền sử dụng đất, đề ngày 04-11-2003, có chữ ký của Đặng Kim C và Phạm Thuý Đ.

- Bản khai của bị can Nguyễn Hồng H về số tiền vay, vay của ai, lãi suất như thế nào, thời hạn trả nợ; quá trình người cho vay đòi lại tiền cho vay; mục đích của việc viết Đơn xin chuyển quyền sử dụng đất đề ngày 27 tháng 9 năm 2012, đưa Đơn xin chuyển quyền sử dụng đất đề ngày 15 tháng 6 năm 2004 cho người cho vay tiền, ký vào Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất, đề ngày 03 tháng 12 năm 2013.

2. Bản Kết luận giám định về tuổi mực (thời gian được viết ra, tạo ra) đối với các tài liệu, chứng cứ sau:

- Giấy biên nhận, đề ngày 25-5-2011, có chữ ký của Nguyễn Hồng H và Phạm Thị H.

- Đơn xin chuyển quyền sử dụng đất, đề ngày 04-11-2003, có chữ ký của Đặng Kim C và Phạm Thuý Đ.

- Đơn xin chuyển quyền sử dụng đất, được viết tay, mực màu xanh, đề ngày 15 tháng 6 năm 2004, có chữ ký của Nguyễn Hồng H và Phạm Thuý Đ.

- Giám định phần chữ viết bằng tay, mực màu xanh và chữ in, mực màu đen đối với Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất, đề ngày 03 tháng 12 năm

2013, có chữ ký của Nguyễn Hồng H, Lâm Nam D, Vy Văn U, Hoàng Minh T và Lương Thị Đ.

- Đơn xin chuyển quyền sử dụng đất, được viết tay, mực màu đen, đề ngày 27 tháng 9 năm 2012, có chữ ký của Nguyễn Hồng H.

Tại Biên làm việc giữa cơ quan điều tra Công an huyện Cao Lộc với các bà Hoàng Thị Th, Phạm Thị H lập ngày 18-3-2023, bà Th từ chối cung cấp “Đơn xin chuyển quyền sử dụng đất, đề ngày 04-11-2003, có chữ ký của Đặng Kim C và Phạm Thuý Đ”; bà H không còn lưu giữ bản gốc “Giấy biên nhận, đề ngày 25-5-2011, có chữ ký của Nguyễn Hồng H và Phạm Thị H”. Tại Công văn số 963/C09-P5 ngày 18-4-2023 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an xác định “Viện Khoa học hình sự chưa giải quyết được các yêu cầu giám định về thời gian viết, tạo ra tài liệu”.

Về bồi thường thiệt hại: Bị hại Đồng Thuý L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 245.000.000 đồng. Ngày 11-4-2023 và ngày 25-4-2023, Nguyễn Hồng H đã nộp số tiền 65.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn để bồi thường cho chị Đồng Thuý L.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 06-02-2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Hồng H về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Sau khi công bố bản cáo trạng, Kiểm sát viên trình bày ý kiến bổ sung: Hành vi của bị cáo không cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” mà có đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 298 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị áp dụng d khoản 2 Điều 140; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 45, 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng H từ 02 năm đến 03 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo do bị cáo không có tài sản. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Công nhận sự thoả thuận giữa bị cáo và bị hại. Cụ thể: Bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 65.000.000 đồng. Xác nhận bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 65.000.000 đồng. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo thừa nhận Cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là đúng tội danh, đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện, không oan. Bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 65.000.000 đồng. Bị cáo không ý kiến tranh luận với ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng, bị cáo thể hiện ăn năn, hối hận về việc làm của bản thân, nói lời xin lỗi với bị

hại, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị hại đồng ý với ý kiến của bị cáo về việc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 65.000.000 đồng và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Bị hại chấp nhận lời xin lỗi của bị hại và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo và không có ý kiến tranh luận với ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt một số người làm chứng. Tuy nhiên, những người làm chứng vắng mặt đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Ngoài ra, phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ lần 2 và những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa, Kiểm sát viên đều đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt một số người làm chứng theo quy định của Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Ngoài ra, ý kiến bổ sung của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc thay đổi tội danh đã truy tố đối với bị cáo từ tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” sang tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 thì tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là tội nhẹ hơn so với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Vì tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” thì loại hình phạt nặng nhất là tù chung thân còn “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thì loại hình phạt nặng nhất là tử hình. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 298 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận, sau khi có số tiền 65.000.000 đồng, do bị cáo không trả tiền cho chị Đồng Thủy L như đã thỏa thuận. Mặc dù bị cáo không có quyền quản lý, sử dụng thửa đất có diện tích 100m² nhưng bị cáo đã sử dụng Đơn lập ngày 15-6-2004 để chị Đồng Thủy L tin tưởng bị cáo có quyền quản lý, sử dụng thửa đất có diện tích 100m² và sau đó ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền 65.000.000 đồng. Hành vi

của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định của Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999. Do đó, có đủ căn cứ xác định bị cáo phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định của điểm d khoản 2 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng pháp luật và không oan.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp phạm tội nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự và có đủ năng lực nhận thức hành vi sử dụng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản mà bị cáo đã có được thông qua hợp đồng vay tài sản là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại, bị hại đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo tham gia ủng hộ các quỹ từ thiện, có Thư cảm ơn của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn. Ngoài ra, bị cáo đang sinh sống cùng bố, mẹ chồng là ông Lâm Duy H, bà Hoàng Thạch Y đều được tặng Huy chương kháng chiến. Do đó, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[7] Về nhân thân: Ngày 23-4-2015, tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 940/QĐ-XPVPHC của Công an tỉnh Lạng Sơn xử phạt tiền do có hành vi kinh doanh hàng hoá nhập lậu. Ngày 25-4-2015, bị cáo đã chấp hành xong và đã được xoá tiền sự từ ngày 25-4-2016. Tuy nhiên, hành vi vi phạm này của bị cáo được thực hiện sau khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Nên bị cáo không bị coi là có tiền sự. Do đó, bị cáo không bị coi là có nhân thân không tốt.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo có đủ điều kiện cho hưởng án treo. Do đó, không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, việc áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đảm bảo tính nghiêm minh, răn đe, giáo dục đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[9] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Tại phiên tòa bị cáo và bị hại đã tự thỏa thuận được với nhau về trách nhiệm bồi thường dân sự, cụ thể: Bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng). Thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử công nhận.

[10] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo do theo Biên bản xác minh của cơ quan điều tra, bị cáo không có thu nhập, không có tài sản.

[11] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đối với những tài liệu, chứng cứ thu giữ đã được lưu hồ sơ vụ án theo quy định.

[12] Về án phí: Bị cáo bị kết án và không thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo đã nộp đủ số tiền 65.000.000 đồng phải bồi thường cho bị hại, nên bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[13] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Ý kiến của bị cáo, bị hại được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[15] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 140; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 45, 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Căn cứ vào các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, nộp, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 293, khoản 2 Điều 298, Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng H 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

3. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Hồng H.

4. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Công nhận sự thoả thuận giữa bị cáo Nguyễn Hồng H và bị hại Đồng Thuỳ L. Cụ thể: Bị cáo Nguyễn Hồng H phải bồi thường cho bị hại Đồng Thuỳ L số tiền 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng). Xác nhận bị cáo Nguyễn Hồng H đã bồi thường cho bị hại Đồng Thuỳ L số tiền 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng). Xác nhận bị cáo Nguyễn Hồng H đã nộp số tiền

65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng) tại Biên lai thu tiền số AA/2021/0001911 ngày 11-4-2023 và Biên lai thu tiền số AA/2021/0001924 ngày 25-4-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Hồng H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, nộp vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Nguyễn Hồng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn.
- Sở Tư pháp, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc;
- Công an huyện Cao Lộc;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc;
- Chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Văn Nghiệp